Biểu số: 06/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:……/……/……

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

12 tháng / năm 2016

Đơn vị báo cáo:
Cục THADS tỉnh Hòa Bình
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
Tổng số		**4.316**	**465**	**3.851**	**66**		**4.250**	**3.824**	**3.647**	**18**	**124**	**8**	**3**		**24**	**426**	**585**	**95,84%**
I	**Cục Thi hành án DS**	**150**	**27**	**123**	**17**		**133**	**109**	**96**	**1**	**11**				**1**	**24**	**36**	88,99%
1	Hà Văn Vinh	16		16	3		13	13	12		1						1	92,31%
2	Nguyễn Duy Vui	31	9	22			31	24	19		4				1	7	12	79,17%
3	Hoàng Xuân Hiển	43	13	30	8		35	23	20	1	2					12	14	91,30%
4	Trần Thị Thanh Bình	34	5	29	2		32	27	25		2					5	7	92,59%
5	Trịnh Văn Chiến	4		4	2		2	2	2									100,00%
6	Nguyễn Thị Cúc	3		3	1		2	2	2									100,00%
7	Đặng Bích Ngọc	6		6			6	6	6									100,00%
8	Nguyễn Văn Hướng	13		13	1		12	12	10		2						2	83,33%
II	**Các Chi cục THADS**	**4.166**	**438**	**3.728**	**49**		**4.117**	**3.715**	**3.551**	**17**	**113**	**8**	**3**		**23**	**402**	**549**	96,04%
1	**Chi cục THADS Lương Sơn**	**568**	**60**	**508**	**13**		**555**	**487**	**475**	**1**	**7**	**4**				**68**	**79**	97,74%
1	Nguyễn Thị Vân Anh	68	2	66	1		67	64	64							3	3	100,00%
2	Nguyễn Anh Thắng	134	15	119	3		131	117	112		1	4				14	19	95,73%
3	Bạch Hồng Thái	131	16	115	3		128	109	108		1					19	20	99,08%

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
4	Bùi Đức Tuân	126	17	109	3		123	100	96	1	3					23	26	97,00%
5	Chu Thị Hạnh	109	10	99	3		106	97	95		2					9	11	97,94%
2	**Chi cục THADS Kỳ Sơn**	**206**	**22**	**184**	**2**		**204**	**170**	**166**		**3**		**1**			**34**	**38**	97,65%
1	Nguyễn Công hữu	139	5	134			139	132	132							7	7	100,00%
2	Phạm Thị Minh	32	5	27	1		31	20	20							11	11	100,00%
3	Nguyễn Văn Thụ	35	12	23	1		34	18	14		3		1			16	20	77,78%
3	**Chi cục THADS Tp. Hòa Bình**	**957**	**119**	**838**	**15**		**942**	**843**	**798**	**4**	**38**	**1**			**2**	**99**	**140**	95,14%
1	Đỗ Đức Thuận	109	13	96	2		107	102	95		7					5	12	93,14%
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	117	10	107			117	105	100	1	4					12	16	96,19%
3	Nguyễn Khắc Tuấn	115	15	100	1		114	104	99		5					10	15	95,19%
4	Mai Thị Nhung	120	16	104	1		119	103	96	2	5					16	21	95,15%
5	Đinh Thị Hải	132	24	108	2		130	112	104		6				2	18	26	92,86%
6	Phạm Văn Hảo	128	22	106			128	104	100		4					24	28	96,15%
7	Vũ Thanh Thủy	118	12	106	2		116	106	100		5	1				10	16	94,34%
8	Phạm Thị Vân Anh	118	7	111	7		111	107	104	1	2					4	6	98,13%
4	**Chi cục THADS Đà Bắc**	**220**	**11**	**209**	**2**		**218**	**210**	**205**	**2**	**3**					**8**	**11**	98,57%
1	Bùi Cường Việt	137	11	126			137	129	125	2	2					8	10	98,45%
2	Phạm Diệu Huyền	83		83	2		81	81	80		1						1	98,77%
5	**Chi cục THADS Tân Lạc**	**383**	**52**	**331**	**2**		**381**	**322**	**314**		**6**				**2**	**59**	**67**	97,52%

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
2	Hoàng Trọng Lộc	224	22	202	2		222	194	189		5					28	33	97,42%
3	Phạm Hồng Dũng	159	30	129			159	128	125		1				2	31	34	97,66%
6	**Chi cục THADS Lạc Sơn**	**321**	**16**	**305**	**1**		**320**	**318**	**310**	**4**	**3**	**1**				**2**	**6**	98,74%
1	Bùi Đình Tiến	66	3	63	1		65	64	63	1						1	1	100,00%
2	Hà Văn Bình	115	10	105			115	114	109	2	2	1				1	4	97,37%
3	Bùi Khắc Bình	140	3	137			140	140	138	1	1						1	99,29%
7	**Chi cục THADS Yên Thủy**	**276**	**20**	**256**			**276**	**258**	**250**	**1**	**4**	**1**			**2**	**18**	**25**	97,29%
1	Nguyễn Ngọc Sơn	140	3	137			140	138	134		2	1			1	2	6	97,10%
2	Nguyễn Hữu Bằng	136	17	119			136	120	116	1	2				1	16	19	97,50%
8	**Chi cục THADS Mai Châu**	**314**	**54**	**260**	**4**		**310**	**266**	**245**	**2**	**6**				**13**	**44**	**63**	92,86%
1	Nguyễn Khắc Thắng	169	26	143			169	153	138	1	2				12	16	30	90,85%
2	Lò Thị Thúy	91	28	63	1		90	62	57		4				1	28	33	91,94%
3	Nguyễn Văn Hướng	54		54	3		51	51	50	1								100,00%
9	**Chi cục THADS Kim Bôi**	**418**	**58**	**360**	**5**		**413**	**373**	**345**		**24**				**4**	**40**	**68**	92,49%
1	Bùi Quang Sử	103	22	81	1		102	85	74		11					17	28	87,06%
2	Bùi Xuân Thảo	107	12	95	1		106	99	96		3					7	10	96,97%
3	Đinh Quang Tùng	111	10	101			111	101	94		3				4	10	17	93,07%
4	Nguyễn Thị Mai Phương	97	14	83	3		94	88	81		7					6	13	92,05%
10	**Chi cục THADS Lạc Thủy**	**309**	**15**	**294**	**3**		**306**	**287**	**277**	**2**	**7**	**1**				**19**	**27**	97,21%

Tên đơn vị		Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện
		Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành								Chưa có điều kiện thi hành		
			Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:									
									Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác			
A		*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Bùi Khắc Thái	197	1	196			197	195	192		3					2	5	98,46%
2	Bùi Khắc Đại	67	9	58	3		64	52	51	1						12	12	100,00%
3	Nguyễn Thanh Tú	34	5	29			34	29	25	1	2	1				5	8	89,66%
4	Nguyễn Văn Hùng	11		11			11	11	9		2						2	81,82%
11	**Chi cục THADS Cao Phong**	**194**	**11**	**183**	**2**		**192**	**181**	**166**	**1**	**12**		**2**			**11**	**25**	92,27%
1	Nguyễn Văn Thắng	27	2	25			27	25	24				1			2	3	96,00%
2	Lê Trọng Thực	45		45	1		44	44	41		2		1				3	93,18%
3	Quách Đại Quân	40	1	39			40	38	35		3					2	5	92,11%
4	Đinh Thị Hạnh	42	8	34	1		41	35	29	1	5					6	11	85,71%
5	Nguyễn Đức Thọ	40		40			40	39	37		2					1	3	94,87%

Hòa Bình, ngày 3 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Người ký: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình
Email: hoabinh@moj.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp
Thời gian ký: 18.10.2016 14:37:22 +07:00

Nguyễn Thị Mai